TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2018/DS-PT
Ngày: 04-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng
Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/8/2018 và 04/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1952, địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, thành phố C (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1969

2.2. Chị Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh K, chị H: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; địa chỉ: khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2018 và ngày 03/8/2018), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của anh K, chị H: Luật sư Nguyễn Văn H – Chi nhánh Văn phòng Luật sư K- Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn K, chị Phan Thị Ngọc H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Lê Phước H là anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2008, ông Lê Phước H có cho Nguyễn Văn K và Phan Thị Ngọc H vay 100.000.000đ và 30 chỉ vàng 24 kara, vàng 9999, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay không có thỏa thuận. Việc vay không có làm biên nhận, không thế chấp tài sản. Quá trình vay ông K và bà H trả cho ông H số tiền vốn 42.000.000đ, lãi không trả. Ngày 17/10/2016âl thì ông K và bà H làm cam kết với ông H mỗi tháng trả 8.000.000đ cho đến hết số tiền trên, nhưng đến nay ông K và bà H không thực hiện việc trả nợ. Nay ông H yêu cầu Nguyễn Văn K và Phan Thị Ngọc H hoàn trả cho ông Lê Phước H số tiền vay vốn 52.000.000đ và 30 chỉ vàng 24kara, vàng 9999, lãi không yêu cầu.

Bị đơn Nguyễn Văn K, Phan Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của ông K và bà H là Dương Hoàng V không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Lê Phước H khởi kiện yêu cầu Nguyễn Văn K và Phan Thị Ngọc H hoàn trả số tiền vay vốn 52.000.000đ và 30 chỉ vàng 24kara, vàng 9999 và vắng mặt không có lý do trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của Lê Phước H.

Buộc Nguyễn Văn K và Phan Thị Ngọc H hoàn trả cho Lê Phước H số tiền là 158.770.000đ (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm bảy chục ngàn đồng).

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông H mà ông K, bà H chậm thi hành án, thì ông K, bà H còn phải trả theo mức lãi cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi hành xong.

Về án phí:

Nguyễn Văn K và Phan Thị Ngọc H phải chịu là 7.938.500đ (Bảy triệu chín trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Lê Phước H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông H được nhận lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10458, ngày 24/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn K, chị Phan Thị Ngọc H kháng cáo một phần Bản án số 45/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án. Ông H cung cấp văn bản tường trình về cuộc điện thoại giữa anh Lê Phước T (con ông H) với vợ chồng anh K được ghi âm lại để chứng minh cho yêu cầu của ông đối với vợ chồng anh K.

+ Bị đơn: Không có cung cấp chứng cứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông H là có cơ sở chấp nhận, vì ông H đưa ra được chứng cứ là biên nhận cam kết trả nợ ngày 17/02/2016 (âl)

có chữ ký của anh K, chị H và nhân chứng là anh Lê Phước T. Trong khi anh K, chị H được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng không có văn bản ý kiến của mình để phản bác yêu cầu của nguyên đơn và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của anh K, chị H là anh Nguyễn Tuấn A không đưa ra được chứng cứ cho yêu cầu của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh K, chị H, giữ nguyên Bản án số 45/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự Nguyễn Văn K, Phan Thị Ngọc H có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Tuấn A tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận, vì vậy việc xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Anh K, chị H (vợ chồng) kháng cáo không đồng ý trả nợ cho ông Lê Phước H như án sơ thẩm tuyên là không có cơ sở. Bởi vì:

Theo đơn kháng cáo của vợ chồng anh K trình bày, gia đình anh bị đe dọa buộc phải làm biên nhận có sự chứng kiến của những người lân cận, chính quyền địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/01/2018 anh H là người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh K cho rằng chữ ký tại biên nhận ngày 17/02/2016 âl mang tên anh K, chị H là không phải do vợ chồng của anh K ký tên, nên yêu cầu giám định chữ ký, đồng thời tiếng nói do con của ông H ghi âm thì vợ chồng anh chị cũng không thừa nhận tiếng nói là của anh chị, nên yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và tiếng nói. Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để làm thủ tục giám định chữ ký và tiếng nói theo yêu cầu của đương sự, nhưng vợ chồng anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án Tỉnh để làm thủ tục giám định và tạm ứng chi phí giám định nên tạm đình chỉ. Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/8/2018 anh Tuấn A đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh K cam kết đến ngày 04/9/2018 sẽ nộp tạm ứng chi phí giám định và cung cấp mẫu chữ ký để tiến hành giám định, nếu không thực hiện thì đề nghị tiếp tục xét xử vì không còn yêu cầu giám định, nhưng anh K, chị H vẫn không thực hiện đúng yêu cầu.

[3] Ông H yêu cầu vợ chồng anh K trả số tiền nợ và cung cấp biên nhận ngày 17/10/2016 âl để chứng minh cho việc đòi nợ, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh K vắng mặt, nhưng đơn kháng cáo thì anh K thừa nhận biên nhận do anh viết và vợ chồng cùng ký tên, tuy nhiên việc làm biên nhận này là bị phía ông H ép buộc. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tuấn A khẳng định việc làm biên nhận không có nhân chứng, vì không có người chứng kiến khi viết biên nhận, không người nào biết được sự việc vay nợ này kể cả chính quyền địa phương cũng không biết và cũng không có cung cấp bổ sung chứng cứ nào khác. Do đó, vợ chồng anh K phải có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở.

[4] Đối với số tiền, vàng vay: Ông H trình bày, đơn khởi kiện và giấy cam kết trả nợ có khác nhau về số tiền vay là do trước đây ông cho mượn 150.000.000đ và 03 lượng vàng 24k, nhưng tin tưởng nhau nên không có làm biên nhận, đến khi không trả nợ nên mới yêu cầu viết biên nhận mục đích là cam kết trả nợ, nhưng anh K gây khó khăn cho ông, cụ thể là ghi số tiền nợ 100.000.000đ và 03 lượng vàng (giá 18.000.000đ/lượng), tuy nhiên anh K vẫn thừa nhận số tiền và vàng được quy đổi thành tiền tổng cộng là 200.000.000đ tương ứng với số tiền vay 150.000.000đ và 03 lượng vàng 24k, nên ông mới chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh K vẫn thừa nhận số tiền nợ 200.000.000đ, nhưng đã trả xong (đơn kháng cáo), tại phiên tòa phúc thẩm anh Tuấn A không biết rõ việc nợ của vợ chồng anh K.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền vay 100.000.000đ và 03 lượng vàng 24k, quá trình thực hiện hợp đồng đã trả 42.000.000đ còn nợ lại 52.000.000đ, đối với 03 lượng vàng quy đổi tại thời điểm xét xử thành tiền là 106.770.000đ (vàng 3.559.000đ/chỉ), buộc vợ chồng anh K trả tổng cộng 158.770.000đ, ông H đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm là có lợi cho bị đơn, do đó yêu cầu kháng cáo của vợ chồng anh K là không có cơ sở nên không chấp nhận, giữ nguyên bản quyết định của án sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh ý kiến: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K, chị H, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. Đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sơ nên chấp nhận.

Án phí: Kháng cáo của anh K, chị H không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn K và chị Phan Thị Ngọc H.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phước H.

Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Phan Thị Ngọc H trả cho ông Lê Phước H số tiền 158.770.000đ.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn K và chị Phan Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.938.500đ.

Anh Nguyễn Văn K và chị Phan Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai thu số 16653 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ông Lê Phước H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông H được nhận lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10458, ngày 24/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng